

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tiễn gắn với Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Đổi mới phương thức quản lý quy hoạch, phát triển đô thị; bảo đảm quy hoạch đô thị sát thực tiễn, có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm; văn hóa và văn minh đô thị làm nền tảng phát triển; kết hợp hài hòa giữa quá trình đô thị hóa, phát triển đô thị với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới và quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị bền vững, thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả. Bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy; phát triển mạnh mẽ liên kết ngành, liên kết vùng và lợi thế kết nối đa chiều của các đô thị.

- Phát triển các đô thị phù hợp với quy mô và dân số, theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ... trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng Bắc Trung Bộ.

## II. MỤC TIÊU

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 40%, đến năm 2030 đạt trên 45%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh đạt khoảng 4,7-5,1% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 5,1-5,5%.

- Số lượng đô thị toàn tỉnh năm 2025 khoảng 21 đô thị, gồm 02 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 10 đô thị loại IV, 08 đô thị loại V, đến năm 2030 khoảng 34 đô thị, gồm 02 đô thị loại II, 02 đô thị loại III, 12 đô thị loại IV, 18 đô thị loại V. Đến năm 2025, 100% các đô có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị.

- Tập trung huy động nguồn lực phát triển về quy mô, nâng cao chất lượng các đô thị động lực. Mở rộng không gian đô thị thành phố Hà Tĩnh, hình thành đô thị trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ. Nâng cấp thị xã Kỳ Anh gắn với Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành vùng đô thị trung tâm phía Nam, hình thành thành phố công nghiệp Kỳ Anh trong tương lai, kết nối Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình. Kết nối hạ tầng thị xã Hồng Lĩnh với hạ tầng nông thôn các huyện phụ cận, đến năm 2030 trở thành thành phố phía Bắc của tỉnh; kết nối với không gian đô thị thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và quy hoạch vùng Bắc Hà Tĩnh - Nam Nghệ An; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới, phát triển hài hòa vùng ven đô thị, từng bước xây dựng và quản lý các đô thị thông minh, hiện đại.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 13,3-16% vào năm 2025, 16-20% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 5-7m<sup>2</sup> vào năm 2025, khoảng 7-9m<sup>2</sup> vào năm 2030. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 32m<sup>2</sup> vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 34m<sup>2</sup>.

- Đến năm 2025, cơ sở hạ tầng mạng ứng dụng băng thông rộng cáp quang phủ sóng trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%; một số đô thị trung tâm có trung tâm điều hành thành phố thông minh, hoạt động hiệu quả. Định hướng đến năm 2030, phổ cập dịch vụ ứng dụng mạng Internet băng thông rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 90%, tỷ lệ trạm thu phát sóng di động có yếu tố thân thiện môi trường, dùng chung hạ tầng đạt 35-40%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP toàn tỉnh khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **1. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững**

- Rà soát, đánh giá vai trò của các đô thị; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách riêng cho từng nhóm đô thị và lựa chọn mô hình phát triển bền vững cho các đô thị, phù hợp cho từng vùng, miền, tại những địa bàn vùng đồi núi, vùng có tính trọng yếu về quốc phòng, an ninh, các đô thị có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ. Khắc phục triệt để tình trạng nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như: Chống ngập úng, bảo vệ nguồn nước, kết nối hạ tầng, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai, vận tải công cộng, hạ tầng số và logistic, kết nối các vùng sản xuất...; đầu tư vào kết cấu hạ tầng vùng và hạ tầng dùng chung, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Tăng cường phân cấp quản lý quy hoạch, đầu tư, xây dựng; hoàn thiện cơ chế, chính sách điều phối và kiểm soát đối với công tác quy hoạch, sử dụng đất sản xuất và đất xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở. Rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội. Tạo lập hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích hình thành và phát triển các quỹ đất cho phát triển nhà ở và bất động sản; có chính sách ưu đãi, khuyến khích để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người thu nhập thấp; cải tạo, chỉnh trang đô thị, xoá bỏ nhà tạm, khu ở phi chính thức tại các đô thị. Bố trí nguồn lực giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất phát triển đô thị đồng bộ; hạn chế việc chia nhỏ đất đai tại các khu vực có nguy cơ hình thành các khu nhà ở chất lượng thấp.

#### **2. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đảm bảo công khai, minh bạch, có tầm nhìn dài hạn; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; gắn quy

hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện; bố trí nguồn lực tương xứng trong công tác lập, điều chỉnh và quản lý quy hoạch. Xây dựng hệ thống dữ liệu về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, vùng đô thị, nhất là quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian nổi, không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm phân loại đất đô thị gắn với quy hoạch đô thị và mục đích sử dụng đất: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt và quy hoạch hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị, nhất là tại các vùng ven đô.

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị.

- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân trong tham gia phản biện việc lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch đô thị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tiếp cận thông tin trong quy hoạch đô thị.

### **3. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Quản lý và giám sát chặt chẽ, hiệu quả việc phát triển nhà ở cao tầng tại trung tâm các đô thị lớn. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, xác định nhà ở công nhân là một hạ

tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở, trong đó có chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh; bảo đảm bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đến năm 2030. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, đường sắt hiện đại, phát triển hệ thống giao thông thủy phù hợp, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. Tăng cường khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Có phương án hạn chế tối đa việc ngập lụt và sử dụng hiệu quả nguồn nước tại đô thị. Đẩy mạnh thực hiện ngầm hóa các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại đô thị. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị: Phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường tại đô thị. Phát triển một số đô thị theo hướng tăng trưởng xanh; tăng cường việc trồng cây xanh và các giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động môi trường và biến đổi khí hậu.

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại tại đô thị và mạng lưới cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu và định hướng phát triển hệ thống công trình dịch vụ hạ tầng xã hội và nguồn lực thực hiện vào quá trình lập và phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn. Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp dịch vụ đô thị. Đa dạng hóa các mô hình cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội.

#### **4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị**

- Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với năng lực quản lý, quy hoạch và yêu cầu phát triển; cân đối lực lượng quản lý, biên chế giữa khu vực đô thị và nông thôn, các vùng khó khăn, đặc thù.

- Nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Nâng cao phẩm chất, năng lực và trình độ cán bộ quản lý đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh.

- Xây dựng văn hóa và lối sống đô thị văn minh; tăng cường các hoạt động cộng đồng thực chất, ý nghĩa. Hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo và thụ hưởng của người dân, chú trọng tạo dựng nhiều không gian văn hóa công cộng. Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030. Bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân; xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp cùng đầu tư.

- Bảo đảm quyền tự do cư trú của người dân và xoá bỏ mọi rào cản đối với dịch chuyển lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, có cơ hội phát triển và thụ hưởng công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị. Mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội tới lao động di cư. Rà soát, hoàn thiện chính sách về hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Thúc đẩy bình đẳng giới, có chính sách quan tâm tạo việc làm cho nữ giới tại đô thị. Phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia xây dựng và quản lý đô thị của người dân.

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khoẻ. Tăng đầu tư, biên chế bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các đô thị.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý đô thị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, nhất là trật tự xây dựng.

- Xây dựng và hoàn thiện các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Giải quyết hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm môi trường ở đô thị. Tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu nhanh ô nhiễm bụi, tiếng ồn; xây dựng đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị; chú trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị; cải thiện căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu nhà ở của người thu nhập thấp trong các đô thị. Có định hướng và giải pháp phát triển các vùng đệm xanh xung quanh các đô thị; phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp xanh phục vụ đô thị.

### **5. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị**

- Hoàn chỉnh cấu trúc kinh tế và phương án bố trí không gian phát triển đô thị, hình thành các khu chức năng; triển khai các chương trình, đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; có phương án sử dụng hiệu quả, bền vững đất đai khu vực ven đô; khai thác hiệu quả các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng như vỉa hè trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Không thu hút đầu tư các cơ sở sản xuất chế biến, chế tạo có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn cho người dân tại các khu vực trung tâm hoặc các đô thị. Từng bước di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi trung tâm đô thị.

- Khuyến khích phát triển các thị tứ, thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyển giao công nghệ... Ban hành các chính sách khuyến khích và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp, các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các đô thị. Phát triển hài hòa khu vực ven biển, từng bước hình thành các đô thị và khu sinh thái ven biển kết nối đô thị. Khuyến khích các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đô thị. Khuyến khích các đô thị hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của địa phương.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TW và Chương trình hành động; xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với từng địa phương, cơ

quan, đơn vị; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, theo định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh để thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW và Chương trình hành động; tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện; chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW và Chương trình hành động; xây dựng, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các nội dung của Nghị quyết và Chương trình hành động.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo quán triệt, phổ biến các nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TW và Chương trình hành động; chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông, báo chí tuyên truyền sâu rộng các nội dung Nghị quyết và Chương trình hành động.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban Đảng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Thế Dũng**